

Bản án số: 13/2022/HNGĐ - ST

Ngày 09-02-2022

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân; Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án

Ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Gấm E, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bùi Thị Gấm E trình bày: Năm 2011, bà Gấm E và ông Lê Văn V quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, cả hai đăng ký kết hôn trước UBND xã H, thành phố L ngày 15/11/2011, đây là hôn nhân lần thứ nhất của bà Gấm E và ông V. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu và trong cách tiêu

xài cá nhân, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông V không khắc phục, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Gấm E yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V. Về con chung: Có 02 con tên là Lê Trọng P, sinh ngày 02/9/2012 và Lê Thị Kim T, sinh năm 02/11/2018, hiện 02 con đang do bà Gấm E chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà Gấm E yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại bản tự khai ngày 26/01/2022 và quá trình tố tụng, bị đơn Lê Văn V trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Gấm Em về thời gian tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và những mâu thuẫn xảy ra trong quá trình chung sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nên yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho con còn nhỏ dại; Về con chung: Thống nhất với bà Gấm E có 02 con, hiện đang được bà Gấm E chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Gấm E thì ông V yêu cầu được nuôi 02 con; Về cấp dưỡng: Không yêu cầu bà Gấm E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn; Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn yêu được nuôi 01 con tên Lê Thị Kim T, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không tranh chấp; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy trích lục kết hôn số 245, quyển II/2011 ngày 25/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh An Giang, điều này thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn, bị đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau. Cả hai thừa nhận có nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nhưng phía bị đơn cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng và không đồng ý ly hôn nên Tòa án đã để tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hàn gắn tình cảm vợ chồng, xoa dịu những mâu thuẫn với nguyên đơn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải, động viên, thuyết phục nhưng nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được bị đơn đồng ý, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có thống nhất có 02 con chung Lê Trọng P, sinh ngày 02/9/2012 và Lê Thị Kim T, sinh năm 02/11/2018. Nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận hiện 02 con đang được nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9/2021 đến nay. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập cá nhân của nguyên đơn (Công nhân may tại Công ty X, thu nhập hàng tháng trên

8.000.000đ) nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn cùng các thành viên gia đình của nguyên đơn không được cản trở bị đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con, do nguyên đơn không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Gấm E được ly hôn với ông Lê Văn V. Quan hệ hôn nhân giữa bà Gấm E và ông V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Ông V và bà Gấm E có 02 con tên Lê Trọng P, sinh ngày 02/9/2012 và Lê Thị Kim T, sinh năm 02/11/2018. Bà Gấm E được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con.

Nguyên đơn cùng các thành viên gia đình của nguyên đơn không được cản trở bị đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con, do nguyên đơn không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết

[5] Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị Gấm E phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000650 ngày 04/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND xã Mỹ Hòa Hưng, Tp.L;**
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam